

Số: 01 /2024/QĐST- KDTM

Phù Ninh, ngày 06 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2023/TLST- KDTM ngày 29 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1 (Viết tắt là V2)

Địa chỉ: Số H L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ;

Người được ủy quyền lại: Anh Nguyễn Triệu T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Phố Đ, TT P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (Văn bản ủy quyền số 998/2023/UQ-VPB ngày 02/10/2023).

Bị đơn: Công ty cổ phần Đ1.

Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đình L- Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Anh Phan Tiến Đ – Chức vụ: Phó Giám đốc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Đình L, sinh năm 1961. Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các bên đồng ý với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của V2 đối với số tiền gốc là 364.000.000đ (Ba trăm sáu mươi tư triệu đồng) và tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Nissan, số loại Navara, số khung: Z0060079; số máy:

YD25949541T; BKS: 19C-178.97 do phòng C1 công an tỉnh P cấp ngày 25/05/2021 đứng tên Công ty Đ1 theo Hợp đồng thế chấp số 260521-6905702-01-SME/TC ngày 27/05/2021 giữa V2 và Công ty Đ1. Do đó Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của V2 đối với số tiền gốc là 364.000.000đ (Ba trăm sáu mươi tư triệu đồng) và tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Nissan, số loại Navara; BKS: 19C-178.97 đứng tên Công ty Đ1.

Các bên thống nhất thỏa thuận:

Đến ngày 01/8/2024, Công ty Đ1 còn nợ V2 số tiền gốc là: 822.516.659 đồng (Trong đó: Số tiền gốc là: 481.987.083 đồng và tổng tiền lãi tiền lãi: 340.529.576 đồng).

Các bên thống nhất về phương án trả nợ như sau:

- Chậm nhất đến ngày 11/9/2024, Công ty Đ1 có nghĩa vụ trả nợ cho V2 số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);
- Chậm nhất đến ngày 11/10/2024, Công ty Đ1 có nghĩa vụ trả nợ cho V2 số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);
- Chậm nhất đến ngày 11/11/2024 Công ty Đ1 có nghĩa vụ trả nợ cho V2 tổng số tiền gốc và lãi còn lại là: 622.516.659 đồng (Sáu trăm hai mươi hai triệu năm trăm mười sáu nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng) (Trong đó: Số tiền gốc là: 281.987.083 đồng và tổng tiền lãi tiền lãi: 340.529.576 đồng).

Công ty Đ1 còn có nghĩa vụ trả cho V2 tiền lãi, phí chậm trả phát sinh trên số dư nợ gốc thực tế từ ngày 02/8/2024 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (hợp đồng cho vay).

Đến thời hạn như thỏa thuận nếu Công ty Đ1 vi phạm 1 kỳ trả nợ theo phương án trả nợ đã thỏa thuận nêu trên thì V2 có quyền đề nghị thi hành án phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty Đ1 để thu hồi khoản nợ vay. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phan Đình L có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty Đ1 nếu Công ty Đ1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V2 theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 05/8/2021.

- Về án phí: Công ty cổ phần Đ1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 18.337.000đ (Mười tám triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền 21.585.000đ (Hai mươi một triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/2023/0001107 ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lý Thị Thanh Huyền

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đ2.

Địa chỉ: T, C H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T1 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung C - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ2, chi nhánh H2. (Văn bản ủy quyền số: 804/QĐ - B ngày 22/8/2019)

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đỗ V - Giám đốc phòng G, Ngân hàng TMCP

Đ2, Chi nhánh H2 (Văn bản ủy quyền số 806A/UQ-BIDV.HVU ngày 27/05/2020)

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1973 và ông **Đỗ Mạnh H1**, sinh năm 1972
Địa chỉ: **Khu N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ**.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà **Nguyễn Thị H** và Ông **Đỗ Mạnh H1** nhất trí sử dụng mọi nguồn thu để thanh toán toàn bộ nợ vay tại **Ngân hàng TMCP Đ2** với tổng dư nợ đến ngày 12/3/2021 là: 3,809,468,858 đồng (Ba tỷ tám trăm linh chín triệu đồng, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng chẵn), trong đó dư nợ gốc là 3.300.000.000đ (Ba tỷ, ba trăm triệu đồng chẵn), nợ lãi là 365.539.315đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng chẵn), nợ lãi quá hạn là 143.929.543đ (Một trăm bốn mươi ba triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng).

Các bên thống nhất thỏa thuận phương án trả nợ như sau:

- Chậm nhất ngày 25/3/2021, Bà **Nguyễn Thị H** và ông **Đỗ Mạnh H1** trả cho **Ngân hàng TMCP Đ2** số tiền gốc 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn)

- Chậm nhất ngày 10/6/2021, Bà **Nguyễn Thị H** và ông **Đỗ Mạnh H1** trả cho **Ngân hàng TMCP Đ2** số tiền 3.459.468.858 đ (Ba tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu đồng, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng chẵn), trong đó dư nợ gốc là 2.950.000.000đ (Hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn), nợ lãi là 365.539.315đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng chẵn), nợ lãi quá hạn là 143.929.543đ (Một trăm bốn mươi ba triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng) tính đến ngày 12/03/2021.

Ngoài ra, Bà **Nguyễn Thị H** và ông **Đỗ Mạnh H1** còn phải thanh toán tiền lãi, phí chậm trả phát sinh trên số dư nợ gốc thực tế từ ngày 13/3/2021 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

Đến thời hạn như thỏa thuận nếu bà **Nguyễn Thị H** và ông **Đỗ Mạnh H1** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, **Ngân hàng TMCP Đ2** có quyền đề nghị thi hành án phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Bà **Nguyễn Thị H** và ông **Đỗ Mạnh H1** để thu hồi khoản nợ vay.

Các bên thống nhất thỏa thuận: Duy trì hợp đồng thế chấp số 02/2015/0054108660/HĐBĐ ký ngày 13/7/2015; Hợp đồng thế chấp số 03/2015/0054108660/HĐBĐ ký ngày 21/7/2015; Hợp đồng thế chấp số 01/2018/7368056/HĐBĐ ký ngày 25/5/2018 giữa bà **Nguyễn Thị H**, ông **Đỗ Mạnh H1** và **Ngân hàng TMCP Đ2** nếu bà **Nguyễn Thị H**, ông **Đỗ Mạnh H1** không trả được số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ cho **Ngân hàng TMCP Đ2** thì **Ngân**

hàng TMCP Đ2 có quyền đề nghị thi hành án phát mại tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Mạnh H1 để thu hồi khoản nợ vay.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Mạnh H1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 54.094.000 đồng (năm mươi tư triệu, không trăm chín mươi tư nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ2 số tiền 50.509.500đ (Năm mươi triệu năm trăm linh chín nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001229 ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.